

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS-PT.
Ngày: 17 - 3 - 2021.
V/v: “T/c quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông.

Ông Nguyễn Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020, về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2020/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18 /2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Các nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1951.

1.2 Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1956.

1.3 Ông Nguyễn Anh K, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Khu vực A phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu vực A phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. Các bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn T, sinh năm 1953.

2.2 Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956.

2.3 Ông Nguyễn Viết L, sinh năm 1964.

2.4 Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1958.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Viết L, ông Nguyễn Văn Th: Ông Nguyễn T, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: Khu vực A phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955.

3.2 Ông Hồ Văn S, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: Khu vực A phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Anh K cùng thống nhất trình bày: Phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông P mướn của địa chủ Nguyễn Z vào năm 1956. Đến năm 1971 thực hiện chính sách người cày có ruộng nên cấp toàn bộ diện tích này cho mẹ ông là bà Phạm Thị B (đã chết) diện tích 20 công tầm 03 mét và bà B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời. Sau đó, bà B cho ông toàn bộ diện tích đất này, ông đã đăng ký kê khai phần đất bà B cho và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 nhưng kê khai thiếu phần đất tranh chấp với ông Nguyễn T, việc kê khai thiếu là do cha ông bị bệnh, mẹ ông thì già yếu nhưng từ trước đến nay ông sử dụng phần đất tranh chấp này. Năm 2005, ông T có phát sinh tranh chấp với ông Hồ Văn S thì ông mới biết phần đất ông đang sử dụng và tranh chấp đã cấp cho ông Nguyễn Hữu N (chết năm 2011) là cha của ông T. Nay ông yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế với diện tích 2.330,4m² tại vị trí số 2 thuộc quyền sử dụng của ông. Việc bà Nguyễn Thị H tranh chấp với ông T ông thống nhất không có ý kiến gì.

Bị đơn ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Viết L, ông Nguyễn Văn Th cùng thống nhất trình bày: Phần đất tranh chấp trước đây là khu nhị tỳ, không ai canh tác chỉ trồng cây lâu năm và cây tạp, sau đó địa chỉ cho lại ông nội ông T là ông Nguyễn Hào C (đã chết), đến năm 1954 anh em trong thân tộc cho lại cha ông T là ông Nguyễn Hữu N. Đến năm 1989, ông Nguyễn Hữu N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời, đến ngày 25/3/1996 ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có thửa 1146 diện tích 6.400m², có 2.330,4m² đang tranh chấp với ông P và 486m² đang tranh chấp với bà Nguyễn Thị

H, khi ông Nguyễn Hữu N đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai ngăn cản. Nay các bị đơn không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông P; đồng ý cho bà H sử dụng phần đất tranh chấp tại vị trí 2a diện tích 395,6m², phần đất tranh chấp tại vị trí 2b diện tích 91m² không đồng ý theo yêu cầu của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha chồng bà là ông Nguyễn Q (đã chết) cho bà vào năm 1980, hiện trạng khi cho là đất lá, năm 2004 Nhà nước mức đất lên bà có thuê người ban ra bằng phẳng. Nay bà yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế tại vị trí 2a, 2b có diện tích 486,6m² thuộc quyền sử dụng của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn S trình bày: Đối với phần đất tranh chấp tại vị trí số 3 giữa ông với ông T đã được giải quyết bằng bản án Pc thẩm số 289/2009/DS-PT, ngày 14/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang nên ông không có yêu cầu gì. Đối với phần đất tranh chấp giữa ông P, bà Hà với ông T là của ông Nguyễn Q (đã chết) cho ông P, bà H cho sử dụng từ trước đến nay không ai tranh chấp. Ông xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2015/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện L (cũ) nay là thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P, công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 3.561,1m² thuộc quyền sử dụng của ông P và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Hữu N.

Ngày 04/7/2015, ông T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại bản án phúc thẩm số: 183/2015/DS-PT ngày 19/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngày 18/12/2015, ông Nguyễn T có đơn xin giám đốc thẩm.

Ngày 28/02/2018 Tòa án cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có quyết định giám đốc thẩm số: 145/2018/DS-GĐT hủy toàn bộ bản án dân sự Pc thẩm số: 183/2015/DS-PT ngày 19/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang và bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2015/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện L (cũ) nay là thị xã L, tỉnh Hậu Giang và nhận định cấp sơ thẩm, phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là chưa đủ căn cứ.

Ngày 07/9/2018, ông P, bà D, ông K yêu cầu tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2020/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị D, Nguyễn Anh K về việc yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp tại vị trí số 2 diện tích 2.330,4m² thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị H đối với phần đất tranh chấp tại vị trí 2b diện tích 91m².

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Nguyễn T đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị M, Nguyễn Viết L, Nguyễn Văn Th. Công nhận phần đất tranh chấp tại vị trí 2a diện tích 395,6m² cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng, bà Hà được sử dụng 71 cây Tre loại A và 01 cây xương máu loại A. Bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về các quy định khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/9/2020, ông Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn T trả lại phần đất tranh chấp tại vị trí số 2 diện tích 2.330,4m² thuộc quyền sử dụng của ông.

Tại phiên tòa Pc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu; về thủ tục tố tụng, Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định; về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào nội dung tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án theo quan hệ pháp luật về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn P kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273, Điều 274, Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự Pc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự thống nhất phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 2.330,4m² tại vị trí số 2 theo Mảnh trích đo địa chính ngày 05/6/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang.

[4] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp:

- Các nguyên đơn cho rằng, bà Phạm Thị B (đã chết) là mẹ của ông P có phần đất với diện tích 02 ha theo Chứng thư cấp quyền sở hữu vào năm 1971. Sau đó,

ông P được bà B cho lại toàn bộ phần đất trên, đến ngày 01/10/1996 ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 33.614m² nhưng kê khai thiếu đối với phần đất tranh chấp.

- Các bị đơn cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp là của anh em trong thân tộc cho lại ông Nguyễn Hữu N (là cha của ông T) vào năm 1954. Đến năm 1989, ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời. Ngày 25/3/1996 ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 25.364m², trong đó có thửa 1146 diện tích 6.400m² (có 2.330,4m² đang tranh chấp với ông P và 486m² đang tranh chấp với bà Nguyễn Thị H).

[5] Xét thấy, ông P có sử dụng phần đất tại thửa đất 530 giáp ranh liền kề với phần đất của ông N tại thửa 1146 và ông P là người đăng ký kê khai và được cấp quyền sử dụng đất sau ông N khoảng 06 tháng. Nhưng tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông P không khiếu nại đối với cơ quan có thẩm quyền về việc cấp thiếu diện tích đất mà hiện nay đang tranh chấp. Đồng thời, theo Công văn số 1076/UBND ngày 29/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện L (cũ) nay là thị xã L trả lời việc cấp giấy nhận quyền sử dụng đất ngày 25/3/1996 cho ông N, trong đó có thửa 1146 là đúng trình tự, quy định của pháp luật, tại thời điểm cấp giấy không ai phát sinh tranh chấp. Các nguyên đơn không chứng minh được phần đất tranh chấp đã kê khai hay đứng tên trong các Sổ mục kê, địa chính,...

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn yêu cầu xác minh quá trình sử dụng đất của ông P, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã L thì trên phần đất tranh chấp có một số cây tạp, không có nhà và công trình xây dựng trên đất; mặt khác đối với phần đất tranh chấp có 02 ngôi mộ xi măng và 04 ngôi mộ đất các nguyên đơn đều thừa nhận không phải là người thân của các nguyên đơn. Xét thấy việc sử dụng đất của gia đình ông N đã kê khai, đăng ký và làm nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước để được công nhận phần đất này. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn về việc xác minh quá trình sử dụng đất của ông P.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn T cho rằng ông không đồng ý giao phần đất tranh chấp tại vị trí 2a diện tích 395,6m² cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng, nhưng cấp sơ thẩm lại ghi nhận sự tự nguyện của ông là không đúng. Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm thì ông T không có làm đơn kháng cáo theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, ông Nguyễn Văn P kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu

của ông là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn P.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị D, Nguyễn Anh K về việc yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp tại vị trí số 2 diện tích 2.330,4m² thuộc quyền sử dụng của các nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị H đối với phần đất tranh chấp tại vị trí 2b diện tích 91m² theo Mảnh trích đo địa chính ngày 05/6/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Nguyễn Viết Trị đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị M, Nguyễn Viết L, Nguyễn Văn Th. Công nhận phần đất tranh chấp tại vị trí 2a diện tích 395,6m² (theo Mảnh trích đo địa chính ngày 05/6/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang) cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng, bà Hà được sử dụng 71 cây Tre loại A và 01 cây xương máu loại A. Bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P được miễn nộp. Bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Anh K phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0019372 ngày 23/01/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Bà Nguyễn Thị H được miễn tiền án phí và bà H được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021368 ngày 12/8/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Chi phí xem xét thẩm định, định giá: Các nguyên đơn Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị D, Nguyễn Anh K phải chịu 9.862.968 đồng (đã nộp xong).

Về án phí dân sự Pc thẩm: Ông Nguyễn Văn P được miễn nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 17/3/2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã L;
- Chi cục THADS TX. L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh